

Số: 131/2024/QĐST-DS

Vị Thanh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 165/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thị Ph, sinh năm 1953.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị Ph: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (theo giấy ủy quyền ngày 14/6/2023)

- *Bị đơn:* Ông Danh D, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Danh D: Bà Trịnh Thị Trúc L là Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thị V, sinh năm 1955.

Địa chỉ: khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị V: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (*Theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2023*)

2. Ông Danh Ph, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Thị M, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị M: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (*theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2023*)

4. Ông Danh N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

5. Ông Danh N1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

6. Ông Danh N2, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Danh Na, ông Danh Ni, ông Danh N2: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (*theo giấy ủy quyền ngày 18/11/2023*)

7. Bà Thị B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị B: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (*theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2023*)

8. Ông Danh D1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

9. Bà Thị Bích H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Thị Bích Hương: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: khu vực 2, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2023)

10. Ông Danh S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tuyên bố: Hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông Danh D và ông Danh S lập ngày 08/3/2016 vô hiệu.

Buộc ông Danh S có trách nhiệm giao trả lại phần đất diện tích 8579,3m², loại đất LUC, thuộc một phần thửa 430, tờ bản đồ số 22, đất tọa lạc tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cho các hàng thừa kế của ông Danh B và bà Thị Đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về số tiền cố đất của ông Danh S như sau:

+ Ông Danh D có trách nhiệm trả cho ông Danh S số tiền 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng).

+ Bà Thị Ph, bà Thị M, ông Danh N2 liên đới có trách nhiệm trả cho ông Danh S số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

2.2. Phần di sản của ông Danh B và bà Thị Đ gồm phần đất tổng diện tích 9448,0m², thửa 430 loại đất LUC, tờ bản đồ số 22, đất tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2.2.1. Bà Thị Ph được quyền sử dụng diện tích 1085,5m² (vị trí số VI), đất LUC tại thửa 430, tờ bản đồ số 22, đất tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

2.2.2. Ông Danh D được quyền sử dụng tổng diện tích 797,9 m² đất LUC (vị trí số II), có 208,8m² thuộc hành lang bảo vệ kênh Chín Tuyền và căn nhà gắn liền với đất, tại một phần thửa 430, tờ bản đồ số 22, và diện tích 3266,0m² (vị trí số I), đất LUC, một phần thửa 430, tờ bản đồ số 22, đất tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

2.2.3. Bà Thị M được quyền sử dụng diện tích 1086,0m² (vị trí số VII), đất LUC tại một phần thửa 430, tờ bản đồ số 22, đất tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

2.2.4. Danh N2 được quyền sử dụng diện tích 2056,1m² (vị trí số IV), phần đất diện tích 1085,4m² (vị trí số V) và phần đất diện tích 70,8m² (vị trí số III), tại một phần thửa 430 tờ bản đồ số 22, đất LUC, đất tại khu vực 3, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

(Kích thước chiều ngang, chiều dài được thể hiện trong sơ đồ thửa đất kèm theo)

2.3. Về chi phí tố tụng: là 18.950.000 đồng (mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Danh D đồng ý nộp 7.106.000 đồng (bảy triệu một trăm, lẻ sáu nghìn đồng), bà Thị Ph đồng ý nộp 2.368.750 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), bà Thị M đồng ý nộp 2.368.750 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) để hoàn trả lại cho ông Danh N2 đã tạm ứng trước đó. Số tiền 7.196.500 đồng (bảy triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm đồng) ông Danh N2 đã nộp xong.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thị Ph và ông Danh D được miễn theo quy định.

- Bà Thị M nộp số tiền 583.000 đồng (năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) và tiền án phí nhận tài sản là 6.163.000 đồng (sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn đồng), tổng số tiền án phí bà Thị M nộp 6.746.000 đồng (sáu triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), khấu trừ số tiền bà Mít đã nộp 2.530.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000905 ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà Thị M còn phải nộp thêm 4.216.000 đồng (bốn triệu hai trăm mười sáu nghìn đồng).

- Ông Danh N2 nộp số tiền 583.000 đồng (năm trăm tám mươi ba nghìn đồng) và tiền án phí nhận tài sản là 16.584.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn đồng), khấu trừ số tiền ông Danh N, ông Danh N, ông Danh N2 đã nộp 2.530.000 đồng (hai triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000891 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ông Danh N2 còn phải nộp thêm 14.637.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng)

2.5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, **7a, 7b** và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩ Thanh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩ Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

Dương Diệu Linh